

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2023/HNGĐ-ST

Ngày 16 tháng 6 năm 2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Phụng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Sĩ Tiến; Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lương Ngọc Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 77/2023/TLST-HNGĐ ngày 21-02-2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15-5-2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30-5-2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Thanh P, sinh năm: 1972. (Có mặt)

Địa chỉ: Số A đường N, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Mỹ N, sinh năm: 1973. (Vắng mặt)

Địa chỉ liên hệ: Số B đường T, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai nguyên đơn ông Lê Thanh P trình bày:

Ông P và bà N là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại U, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 140 ngày 30-12-1999, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới.

Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, bà N không tôn trọng ông P và gia đình ông P, mâu thuẫn trong việc sử dụng tiền bạc, mâu thuẫn với bố mẹ anh em chồng, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, những mâu thuẫn vợ chồng, gia đình nhưng bà N đi rêu

rao, làm đơn tố cáo vu khống ông P làm ảnh hưởng cuộc sống, uy tín, danh dự, công việc của ông P. Ông P đã nhiều lần tha thứ, bỏ qua để cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà N không thay đổi. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021. Nay ông P không còn tình cảm với bà N nên ông P yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông P được ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông P và bà N có hai con chung là cháu Lê Ngọc Hạnh P1, sinh ngày 16-9-2001 và cháu Lê Ngọc Gia H, sinh ngày 10-9-2008. Cháu P1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông P yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H vì cháu là con trai và ở cùng ông P, kể cả khi vợ chồng sống ly thân thì cháu H ở với ông P, được ông P chăm sóc. Ông P không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con là cháu H.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

2. *Đối với bị đơn là bà Phạm Thị Mỹ N:* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà N đến Tòa án làm việc, ngày 02-3-2023 bà N đến Tòa án làm việc nhưng bà N trình bày về nhà bà N làm bản tự khai và nộp lại cho Tòa án vào ngày 08-3-2023, tuy nhiên bà N không nộp bản tự khai và sau đó Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà N đến Tòa án làm việc nhưng bà N vắng mặt không có lý do chính đáng. Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà N theo địa chỉ bà N cung cấp tại số B đường T, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đầy đủ và đúng các thủ tục tố tụng. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa và chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên xét xử vắng mặt là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định giữa ông P và bà N có mâu thuẫn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, ông P không còn tình cảm với bà N. Ông P và bà N có hai con chung là cháu Lê Ngọc Hạnh P1, sinh ngày 16-9-2001 và cháu Lê Ngọc Gia H, sinh ngày 10-9-2008. Cháu P1 đã trưởng thành đề nghị không giải quyết, ông P yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hào điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu H đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận ông P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H. Bà N không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận cho ông P và bà N được ly hôn, về con chung ông P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu H, bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông P khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với bị đơn bà Phạm Thị Mỹ N, địa chỉ số B đường T, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà

Rịa - Vũng Tàu được xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình có quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Đối với bị đơn bà N Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông P và bà N tự nguyện kết hôn và được U, thành phố V cấp giấy chứng nhận kết hôn số 140 ngày 30-12-1999, kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.1] Ông P trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, bà N không tôn trọng ông P và gia đình ông P, mâu thuẫn trong việc sử dụng tiền bạc, mâu thuẫn với bố mẹ anh em chồng, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, những mâu thuẫn vợ chồng, gia đình nhưng bà N đi rêu rao, làm đơn tố cáo vu khống ông P làm ảnh hưởng cuộc sống, uy tín, danh dự, công việc của ông P. Ông P và bà N vì con nên đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng vợ chồng không hòa hợp, mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 nên tình cảm phai nhạt, nay ông P không còn tình cảm với bà N.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án bà N có đến Tòa án làm việc ngày 02-3-2023 nhưng bà N trình bày về nhà bà N làm bản tự khai và nộp lại cho Tòa án vào ngày 08-3-2023, tuy nhiên bà N không nộp bản tự khai và sau đó Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà N đến Tòa án làm việc nhưng bà N vắng mặt nên không lấy được lời khai của bà N, tuy nhiên xét thấy ông P và bà N đã sống ly thân điều này cho thấy cuộc sống chung vợ chồng có dạn nứt, mâu thuẫn. Căn cứ Biên bản xác minh ngày 16-5-2023 có nội dung: Trong quá trình chung sống ông P và bà N mâu thuẫn xảy ra thường xuyên, kéo dài nhiều năm nay, hiện nay ông P và bà N đã sống ly thân. Như vậy, ông P trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, kéo dài nhiều năm và vợ chồng đã sống ly thân là có thật. Từ đó thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng giữa ông P và bà N không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và nay ông P không còn tình cảm với bà N, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông P ly hôn với bà N.

[3] Xét yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung của ông P: Ông P và bà N có hai con chung là cháu Lê Ngọc Hạnh P1, sinh ngày 16-9-2001 và cháu Lê Ngọc Gia H, sinh ngày 10-9-2008. Cháu P1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.1] Ông P yêu cầu giải quyết cho ông P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H vì cháu là con trai, ở cùng ông P, kể khi vợ chồng sống ly thân đến nay thì cháu H đều ở với ông P, được ông P chăm sóc. Và theo nội dung “Biên bản xác minh” ngày 16-5-2023 cũng xác nhận các con ông P, bà N đang ở với ông P. Vì vậy, xét thấy giao cháu H cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với nguyện vọng của cháu H. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu H cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

[3.2] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Ông P không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Ông P phải chịu số tiền là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh P.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh P và bà Phạm Thị Mỹ N ly hôn.

Về con chung: Ông Lê Thanh P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Ngọc Gia H, sinh ngày 10-9-2008, bà N không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà N được quyền thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Lê Thanh P phải nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003847 ngày 21-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND Tp. VT;
- Chi Cục THA DS Tp.VT;
- UBND P. 2, Tp. VT;
- Các đương sự;
- Lưu.

Ngô Thị Phụng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND Tp. VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi Cục THA DS Tp.VT;
- UBND P. 2, Tp. VT;
- Các đương sự;
- Lưu.

Ngô Thị Phụng